

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Kiên Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Ngọc Sử.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân huyện  
Đông Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:**  
Bà Đào Thị Trà Giang- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021; về  
“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số  
69/2021/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số  
01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện  
Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện  
Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

*(Chị T có mặt. Anh Q vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên  
đơn chị Trần Thị T trình bày:**

Chị và anh Trần Văn Q chung sống và có con với nhau trước, sau đó mới đi đăng  
ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vào ngày 31/5/2017.  
Trước khi kết hôn với chị, anh Q đã ly hôn 02 đời vợ. Trong thời gian chung sống,  
chị và anh Q hay xảy ra va chạm cãi nhau; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng  
quan điểm sống và anh Q không quan tâm đến chị và con. Đầu năm 2018, vợ  
chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã P, huyện Đông  
Hưng sống ly thân với anh Q. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,  
cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị  
được ly hôn.

Chị và anh Q có 01 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 13/01/2014, hiện con đang sinh sống cùng chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh Q không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

\* Anh Trần Văn Q có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Mọi văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đều được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho anh Q theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Q không đến Tòa án để làm việc, không xuất trình tài liệu chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

*\* Qua xác minh với chị Phạm Thị R (là chị dâu của anh Q), có nội dung:*

Chị T và anh Q đăng kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình từ ngày 31/5/2017. Trước khi kết hôn với chị T, anh Q đã có 02 đời vợ và đã ly hôn. Đầu năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn, chị T tự ý đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã P, huyện Đông Hưng sống ly thân với anh Q; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T không chăm chỉ làm ăn chỉ biết sống dựa vào chồng và không có công sức đóng góp gì cho gia đình chồng. Sau khi chị T làm đơn xin ly hôn, anh Q đã đi làm ăn tự do ở tỉnh B, không có địa chỉ cụ thể; anh Q vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với vợ chồng chị. Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh Q, chị đều nhận thay anh Q và thông báo kịp thời cho anh Q biết nội dung văn bản tố tụng của Tòa án, anh Q nói anh mãi làm ăn không về được, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T.

Con chung của chị T và anh Q là Trần Thanh T, sinh ngày 13/01/2014, hiện đang sinh sống cùng chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T và anh Q không có tài sản chung.

*\* Xác minh tại UBND xã Đ, có nội dung:*

Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vào ngày 31/5/2017. Qua năm bắt tình hình thì đầu năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn, chị T đã đưa con về xã P, huyện Đông Hưng sinh sống. Chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị T và anh Q có 01 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 13/01/2014. Nếu ly hôn, chị T nuôi con sẽ đảm bảo cuộc sống cho con; anh Q thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng con.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**- Về tố tụng:**

[1]. Bị đơn anh Trần Văn Q có nơi cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Anh Trần Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q.

**- Về nội dung:**

[1]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh Q mâu thuẫn và ly thân nhau từ đầu năm 2018, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh Q cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và phiên tòa; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2]. Về con chung: Con chung đang sinh sống ổn định cùng chị T và có nguyện vọng được ở với chị T; từ khi vợ chồng ly thân, chị T vẫn chăm sóc con chu đáo, đảm bảo việc học tập, sinh hoạt của con. Anh Q thường xuyên đi làm ăn xa nên ít có điều kiện chăm sóc con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con chung.

[3]. Về tài sản: Do chị T không yêu cầu giải quyết, anh Q không có lời khai về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

**1/. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn Q

**2/. Về con chung:** Xử giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 13/01/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Trần Thị T không yêu cầu anh Trần Văn Q cấp dưỡng cho con chung

Anh Trần Văn Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; anh Trần Văn Q và chị Trần Thị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

**3/. Về tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

**4/. Về án phí:** Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002910 ngày 16/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

**5/. Về quyền kháng cáo:** Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THA DS huyện Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
Đã ký

**Lê Kiên Trung**